

Bản án số: 99/2022/DS-ST
Ngày 30 – 6 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Ấp T2, xã T3, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thanh T1; nơi cư trú: Ấp T4, xã T5, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị T, thể hiện:*

Vào ngày 02/11/2020 bà T hợp đồng bán thức ăn tôm cho ông Nguyễn Văn X, bà Trần Thanh T1, thỏa thuận thanh toán tiền mặt hoặc khi kết thúc vụ nuôi hoặc theo yêu cầu của đại lý. Qua trình mua bán, ông X, bà T1 còn thiếu lại số tiền 1.060.131.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng) và đến nay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, bà T yêu cầu ông X, bà T1 trả số tiền 1.060.131.000 đồng.

** Đối với ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thanh T1:* Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông X, bà T1 không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà T và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị T là đại diện Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19/4/2006 và đăng ký thay đổi lần I vào ngày 02/6/2006. Do vậy, trong vụ án này, nguyên đơn được xác định là Bà Nguyễn Thị T - Chủ Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị T theo khoản 2 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thanh T1 trả số tiền mua bán thuốc, thức ăn thủy sản nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông X, bà T1 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[4] Theo giấy nhận nợ ngày 01/02/2021 thì ông X, bà T1 xác nhận còn thiếu bà T số tiền 1.060.131.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, ông X, bà T1 không đồng ý nhận các văn bản tố tụng nhưng không nêu rõ lý do và không có ý kiến phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Do đó, có căn cứ xác định: Sau khi chấm dứt việc mua bán ngày 01/02/2021 tiến hành đối chiếu công nợ thì ông X, bà T1 còn thiếu số tiền 1.060.131.000 đồng nên nên phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông X, bà T1 trả số tiền trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông X, bà T1 phải chịu: 36.000.000 đồng + 260.131.000 đồng x 3% = 43.803.930 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 68, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T – Chủ Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thanh T1 trả cho bà T tổng số tiền 1.060.131.000 đồng (một tỷ không trăm sáu mươi triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông X, bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông X, bà T1 phải chịu 43.803.930 đồng (bốn mươi ba triệu tám trăm lẻ ba nghìn chín trăm ba mươi đồng) (chưa nộp).

- Bà T không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà T số tiền 21.902.000 đồng (hai mươi một triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012364 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn